

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 151/2025/DS-ST
Ngày 13 – 5 – 2025
V/v tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Anh Minh

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2025/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

*** Nguyên đơn:** Bà Hồ Mỹ P, sinh năm: 07/07/1966. Địa chỉ: Số 218D, đường N, Khóm B, Phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*** Bị đơn:**

- Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Số 66, đường 30/4, Khóm H, Phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- Bà Trần Ngọc C, sinh năm 1979. Địa chỉ Số 66, đường 30/4, Khóm H, Phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- Ông Trần Quốc T, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Số 66, đường 30/4, Khóm H, Phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2025, tại bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà P trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với bà Trần Ngọc C, nên khi bà Trần Thị Cẩm T là em dâu của bà C, có nhu cầu vay tiền của bà nên bà đồng ý cho bà T và chồng là ông Trần Quốc T (em ruột bà C) vay tiền với sự bảo lãnh của bà Trần Ngọc C. Bà cho bà T và ông T vay tiền nhiều lần, đã trả xong. Đến ngày 27/02/2023 bà tiếp tục cho bà T và ông T vay số tiền 270.000.000đ, với lãi suất 3%/tháng, có làm biên nhận ngày 22/7/2023. Bà T và ông T trả lãi cho bà được 113.400.000đ.

Nay bà yêu cầu bà T, ông T cùng bà C trả cho bà số tiền vốn 270.000.000đ, lãi từ ngày 22/10/2025 đến 22/02/2025 là 40.500.000đ. Do bà C là người bảo lãnh cho khoản vay nên bà yêu cầu bà C cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà. Tại phiên toà, bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T và bà T cùng bà C trả cho bà tiền vốn và thống nhất yêu cầu điều chỉnh lãi theo mức lãi 20%/năm.

* Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và bổ sung tại phiên toà bà Trần Thị Cẩm T trình bày: Bà thừa nhận bà và chồng là ông T có vay của bà P tổng số vốn vay 270.000.000đ, số tiền này vay từ 22/01/2022, có làm biên nhận thỏa thuận lãi 3%/tháng, bà đã đóng lãi đến 8/2024 thì ngưng không đóng lãi đến nay, mỗi tháng đóng lãi 8.100.000đ bằng cách chuyển vào tài khoản của bà P. Đến tháng 7/2023 bà P yêu cầu bà viết giấy nợ mới vì biên nhận nợ cũ đã lâu, Biên nhận mới viết lại ngày 22/7/2023, do bà và ông T, bà C ký tên giống như giấy nợ ban đầu. Biên nhận nợ vay ngày 22/02/2022 bản chính bà Phương đã trả lại cho bà nhưng bị thất lạc, chỉ còn bản phô tô bà đã nộp. Nay bà thống nhất trả vốn 270.000.000đ, lãi bà yêu cầu điều chỉnh lãi 20%/năm từ ngày vay 22/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên toà, bà thống nhất khoản vay đang tranh chấp bắt đầu kể từ ngày 22/7/2023.

* Tại Bản tự khai, Biên bản hoà giải và bổ sung tại phiên toà bà Trần Ngọc C trình bày: Bà có quen biết với bà P và bà là chị của ông T và chị chồng của bà T, nên đứng ra bảo lãnh cho bà T và ông T với bà P giao dịch vay tiền với nhau. Bà chỉ biết đứng ra ký bảo lãnh để bà Phương cho ông T và bà T vay tiền, còn thực tế các bên trả tiền như thế nào, biên nhận ngày 22/7/2023 được viết lại hay là vay mới bà không biết. Bà yêu cầu xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Phương yêu cầu bà T, ông T và bà C cùng có trách nhiệm thanh toán khoản tiền vốn vay 270.000.000đ và lãi phát sinh. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Trần Quốc T, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T là đúng quy định tại Điều 207, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu của bà P theo đơn khởi kiện yêu cầu bà T, ông T cùng bà C cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn 270.000.000đ, lãi từ ngày 22/10/2025 đến 22/02/2025 là 40.500.000đ. Tại phiên toà, bà thống nhất trong quá trình vay bà T và ông T đã trả cho bà 113.400.000đ lãi, nay bà yêu cầu điều chỉnh lãi theo mức lãi quy định của pháp luật 20%/năm từ ngày vay 22/7/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/5/2025 và đối trừ vào vốn vay.

Đối với ý kiến bà T cho rằng, chỉ một khoản vay bắt đầu từ ngày 22/01/2022 đến ngày 22/7/2023 thì viết lại biên nhận theo yêu cầu của bà Phương, nhưng bà T không đưa ra chứng cứ hợp pháp chứng minh việc viết lại biên nhận, bà T xác định bà P đã trả lại bản chính biên nhận ngày 22/01/2022 nhưng đã thất lạc, không cung cấp được bản chính biên nhận mà bà T trình bày. Tại phiên tòa, bà T thống nhất khoản tiền vốn vay đang tranh chấp bắt đầu vay từ ngày 22/7/2023. Trong khi đó, bà P không thừa nhận lời trình bày của bà T về việc viết lại biên nhận, mà cho rằng trước đó bà và bà T ông T có giao dịch tiền vay nhưng thực hiện xong, lần gần nhất là giao dịch vay ngày 22/7/2023, lời trình bày của bà P phù hợp với chứng cứ là biên nhận bản chính bà P đã cung cấp. Do đó, có căn cứ xác định khoản tiền vay bắt đầu từ 22/7/2023.

Với thỏa thuận lãi suất 3%/tháng là cao hơn quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự nên yêu cầu của bị đơn về điều chỉnh lãi là phù hợp, nguyên đơn chấp nhận điều chỉnh lãi. Từ 22/7/2023 đến 13/5/2025 là 01 năm 09 tháng 22 ngày mức lãi 20%/năm số tiền vốn 270.000.000đ, tổng lãi bằng 97.800.000đ trừ tiền lãi bà T và ông T đã trả 113.400.000đ, bà T và ông T đã trả lãi vượt số tiền 15.600.000đ, số tiền này được đối trừ vào tiền vốn vay. Số tiền ông T và bà T còn nợ là 254.400.000đ.

[4] Về trách nhiệm trả nợ, các đương sự đều thống nhất, khoản vay này do ông T và bà T vay, bà C là người bảo lãnh nghĩa vụ cho khoản vay. Tại phiên tòa bà C thống nhất bà cùng bà T và ông T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà P. Yêu cầu của bà P buộc bà C, bà T và ông T cùng có trách nhiệm trả khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 335 và 342 Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bà T ông T và bà C cùng phải nộp theo quy định. Bà P không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 335, 342, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 26, 147, 207, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Hồ Mỹ P: Buộc ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Cẩm T và bà Trần Ngọc C liên đới trả cho bà Hồ Mỹ P tổng số tiền 254.400.000đ (*Hai trăm năm mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bà Hồ Mỹ P có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Cẩm T và bà Trần Ngọc C không thanh toán xong khoản tiền nêu trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 12.720.000đ (*Mười hai triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*) ông Trần Quốc T, bà Trần Thị Cẩm T và bà Trần Ngọc C phải liên đới nộp(*chưa nộp*). Bà Hồ Mỹ P không phải nộp án phí, ngày

17/02/2025 bà Hồ Mỹ P đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 7.875.000đ (Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0010313, tại Chi Cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bà Trần Thị Cẩm T và bà Trần Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Phan Thi Thu